

# LUẬN CỨU CÁNH NHẤT THỪA BẢO TÁNH

## QUYỂN 3

### *Phẩm thứ 5: TẤT CẢ CHÚNG SINH CÓ NHƯ LAI TẠNG*

Luận nói: Từ đây về sau, Kệ còn lại của Luận, phải biết là lần lượt nương vào bốn câu để nói rộng về sự sai khác.

Hỏi: Đây là nói nghĩa gì?

Đáp: Hưởng về kệ trước mà nói:

*Chân như có tạp bản,  
Và xa lìa các bản,  
Phật vô lượng công đức,  
Và việc Phật đã làm.  
Cảnh giới mẫu như vậy,  
Là điều chư Phật biết,  
Nương pháp thân mẫu này,  
Xuất sinh ra Tam bảo.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Như đã nói ở trước, tất cả chúng sinh có Như lai tạng, Như lai tạng kia nương vào nghĩa gì. Kệ rằng:

*Pháp thân Phật cùng khắp,  
Chân như không khác nhau,  
Đều thật có Phật tánh,  
Cho nên nói thường có.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Có ba nghĩa, nên Như lai nói: “Tất cả thời, tất cả chúng sinh đều có Như lai tạng”. Ba nghĩa gồm:

1. Pháp thân Như lai trụ khắp tất cả thân của các chúng sinh, nên kệ nói: “Pháp thân Phật đầy khắp”.

2. Chân như Như lai không sai khác, nên kệ nói: “Chân như không sai khác”.

3. Tất cả chúng sinh đều thật có Chân như, Phật tánh, nên kệ nói:

“Điều thật có Phật tánh”, do nghĩa của ba câu này. Từ đây trở xuống nương vào Tu-đa-la nói về Như lai tạng, phải biết sau đó tôi mới nói. Như Kệ vốn nói:

*Tất cả cõi chúng sanh,  
Không lia trí các Phật,  
Vì trí tịnh vô cấu,  
Nêu thể tánh không hai.  
Nương tất cả Chư Phật,  
Thân Pháp tánh bình đẳng,  
Biết tất cả chúng sinh,  
Điều có Như lai tạng.  
Thể và nghiệp nhân quả,  
Tương ứng đều do Hành,  
Thời sai khác khắp xứ,  
Bất biến, không sai khác.  
Thứ lớp diệu nghĩa kia,  
Chân Pháp tánh bậc nhất,  
Ta nói lược như vậy,  
Nay Ông nên khéo biết.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược Kệ này có mười nghĩa, nương vào mười nghĩa này mà nói sự sai khác của Phật tánh nơi cảnh giới của thật trí bậc nhất nghĩa. Những gì là mười nghĩa: 1. Thể. 2. nhân. 3. Quả. 4. nghiệp. 5. Tương ứng. 6. Hành. 7. Thời sai khác. 8. Biến Nhất thiết xứ. 9. Bất biến. 10. Không sai khác. nghĩa thứ nhất dựa vào nhân của thể nên nói một bài kệ rằng:

*Tự tánh thường bất nhiễm,  
Như báu đựng tịnh thủy,  
Tin pháp và Bát nhã,  
Tam-muội đại bi thấy.*

Hỏi: Nửa Kệ đầu nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Lược tự tại bất biến,  
Tư thật thể, nhu hòa,  
Đựng báu nước đức,  
Pháp tương tự tương đối.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Trước đã nói ba nghĩa, ba nghĩa đó thứ lớp nương vào ba

thứ công đức thanh tịnh của tự tướng, đồng tướng và Pháp thân Như lai, như hư không tịnh Thủy của ngọc báu Như ý, phải biết là Pháp tướng tự tướng đối.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Tư, nương vào Pháp thân Như lai, thì điều nghĩ điều tu đều thành tựu.

Hỏi: Nửa bài Kệ sau nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Có bốn thứ chướng ngại,  
Chê bai pháp và chấp ngã,  
Sợ hãi khổ thế gian,  
Lià bỏ các chúng sinh.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Xiển-đề và ngoại đạo  
Thanh-văn và Tự giác,  
Bốn pháp như tin thấy,  
Phải biết nhân thanh tịnh.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược trong tất cả thế giới chúng sanh có ba loại chúng sinh. Ba loại chúng sanh là: 1. Cầu hữu. 2. Xa lia cầu hữu. 3. Không cầu hai thứ kia.

1. Cầu hữu có hai thứ:

a) Chê bai đạo giải thoát, không có tánh Niết-bàn, thường cầu trụ thế gian, không cầu chứng Niết-bàn.

b) Xiển-đề đồng vị trong pháp Phật, vì chê bai Đại thừa, nên trong Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc khởi nhất Kiến, hoặc khởi nhị kiến, cho “Chư Phật, Như lai không phải là Thế Tôn”, những hạng người như vậy không phải là đệ tử của ta. Xá-lợi-phất! Người đó vì khởi nhân duyên nhị kiến, là từ chỗ tối đi vào chỗ tối, từ chốn u minh đi vào chốn u minh, ta nói những người đó là Nhất-xiển-đề”. Nên Kệ rằng: “Chê bai pháp là... Xiển-đề”.

2. Xa lia cầu hữu cũng có hai thứ:

a) Không có phương tiện cầu đạo.

b) Có phương tiện cầu đạo.

- Không phương tiện cầu đạo cũng có hai thứ:

Các thứ tà chấp của nhiều loại ngoại đạo, là Tăng-khư, Vệ-

thế-sư, Ni-kiền-đà-nhã-đề-tử... không có phương tiện cầu đạo.

Trong pháp Phật mà đồng hạnh ngoại đạo, là tuy tin pháp Phật mà điên đảo chấp trước.

Hỏi: Những hạng người đó là thế nào?

Đáp: Là Độc-tử... thấy trong thân có ngã... không tin Đệ nhất nghĩa đế, không tin Chân như, pháp không, nên Phật nói những người đó chẳng khác ngoại đạo. Lại có người chấp không là hữu, vì tướng ngã kiêu mạn. Vì sao vậy? Vì cho là Như lai nói môn giải thoát không khiến cho được giác ngộ liễu biết, nhưng người đó chấp chỉ có Không chẳng có thật. Vì hạng người đó, trong Kinh Bảo Tích nói: “Phật bảo: Này Ca-diếp! Thà chấp ngã như núi Tu-di, không nên thấy chúng sinh kiêu mạn chấp không là hữu, Ca-diếp! Tất cả tà kiến hiểu về không sẽ được lìa. Nếu thấy không là có thì những người đó không thể hóa độ khiến lìa thế gian”. Cho nên kệ nói: “Và chấp ngã... và ngoại đạo”.

- Có phương tiện cầu đạo cũng có hai thứ:

a) Thanh-văn. Kệ rằng: “Sợ hãi khổ thế gian, là Thanh-văn”.

b) Bích Chi Phật. Kệ rằng: “Lìa bỏ các chúng sinh, và tự giác”.

3. Không cầu hai thứ kia: Gọi là các Đại Bồ-tát là hàng chúng sinh lợi căn bậc nhất. Vì sao? Vì các Bồ-tát không cầu Hữu như Nhất-xiển-đề, lại cũng không đồng các thứ ngoại đạo không phương tiện cầu đạo, lại cũng không đồng với Thanh-văn và Bích Chi Phật có phương tiện cầu đạo. Vì sao? Vì các Bồ-tát thấy thế gian và đạo Niết-bàn bình đẳng, vì tâm không trụ Niết-bàn, vì pháp thế gian không thể nhiễm, nhưng tu hành hạnh thế gian để làm vững chắc tâm Từ bi và Niết-bàn, vì khéo trụ trong pháp căn bản thanh tịnh.

Lại, chúng sinh cầu hữu kia là Nhất-xiển-đề, và người Xiển-đề đồng vị trong pháp Phật, gọi là chúng sinh tụ tà định.

Lại, trong chúng sinh xa lìa cầu hữu, bị rơi vào chúng sinh không phương tiện cầu đạo gọi là chúng sinh nhóm Bất định.

Lại nữa, trong chúng sinh xa lìa cầu Hữu, có phương tiện cầu đạo lìa thế gian là Thanh-văn và Bích Chi Phật, tức không cầu hai thứ kia, là đạo trí bình đẳng của Đại Bồ-tát, gọi là chúng sinh nhóm chánh định.

Lại, ngoại trừ đối với chúng sinh cầu đạo vô chướng ngại đối với Đại thừa, còn có bốn thứ chúng sinh: 1. Xiển-đề. 2. Ngoại đạo. 3. Thanh-văn. 4. Bích Chi Phật. Bốn chúng sinh này có bốn loại chướng, nên không thể chứng, không thể lãnh hội, không thể thấy tánh của Như lai. Bốn chướng là:

1. Chướng của Nhất-xiển-đề, chê bai Pháp Đại thừa. Đối trị

chươngng này là các Đại Bồ-tát tin Đại thừa, nên kệ nói: “Tin pháp”.

2. Chươngng của các ngoại đạo, chấp ngang trái trong thân có ngã, đối trị chươngng này, là các Đại Bồ-tát tu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật, nên kệ nói: “và Bát-nhã”.

3. Chươngng của Thanh-văn, sợ hãi các khổ của thế gian. Đối trị chươngng này, là các Đại Bồ-tát tu hành các Tam-muội như hư không tạng, Thủ lăng nghiêm... nên kệ nói: “Tam-muội”.

4. Chươngng của Bích Chi Phật: Do bỏ việc đem lại lợi ích tất cả chúng sinh, bỏ tâm đại bi. Đối trị chươngng này là các Đại Bồ-tát tu hạnh đại bi, làm lợi ích cho các chúng sinh, vì vậy kệ nói: “Đại Bi”.

Vì bốn thứ chươngng này gây chươngng ngại cho bốn loại chúng sinh. Vì để đối trị bốn chươngng ấy các Đại Bồ-tát tín tu bốn pháp đối trị của hạnh Đại thừa chứng đắc pháp thân thanh tịnh Vô thượng, đến bờ kia bậc nhất. Vì sao? Vì nương vào bốn loại pháp giới thanh tịnh này mà tu tập pháp thiện. Đây là Chư Phật thuận theo pháp Tử (con của pháp Phật) sinh vào nhà Phật, nên kệ nói:

*Đại thừa Tín làm con,  
Bát-nhã dùng làm mẹ,  
Thiền thai sữa đại bi,  
Chư Phật như con thật.*

Kệ rằng: “Bốn thứ pháp như Tín... Phải biết là nhân thanh tịnh.

Lại nương vào quả nghiệp nên nói một bài kệ:

*Tịnh, ngã, lạc thường thấy,  
Quả công đức bờ kia,  
Chán khổ cầu Niết-bàn,  
Mong nguyện đồng các nghiệp.*

Hỏi: Nửa, đầu kệ này, nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Nói lược nghĩa bốn câu,  
Bốn thứ pháp diên đảo,  
Diên đảo trong pháp thân,  
Tu hành pháp đối trị.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Bốn pháp như tín...kia, Pháp thân Như lai theo đấy có thể được thanh tịnh. Trước đã nói bốn pháp, bốn pháp đó thứ lớp nói lược việc đối trị bốn thứ diên đảo, phải biết là bốn thứ công đức Ba-la-mật quả của Pháp thân Như lai, nên kệ nói: “Nói lược nghĩa bốn câu”.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Là trong các việc vô thường như sắc... mà khởi tưởng thường, trong pháp khổ mà khởi tưởng lạc, trong Vô ngã mà khởi tưởng ngã, trong Bất tịnh mà khởi tưởng tịnh, những thứ đó gọi là bốn thứ điên đảo phải biết, vì thế Kệ rằng: “Bốn thứ pháp điên đảo”. Để đối trị bốn thứ điên đảo này, phải biết có bốn thứ pháp Phi điên đảo.

Những gì là bốn thứ Phi điên đảo: 1. Trong sự vô thường của sắc... mà nghĩ là vô thường. 2. Trong pháp khổ nghĩ là khổ. 3. Trong Vô ngã nghĩ là Vô ngã. 4. Trong Bất tịnh nghĩ là Bất tịnh. Đó là bốn thứ không điên đảo nhằm đối trị phải biết, nên kệ nói: “Tu hành pháp đối trị”. như vậy bốn thứ đối trị điên đảo, dựa vào Pháp thân Như lai thì trở lại là điên đảo, phải biết, nên kệ nói: “Trong pháp thân điên đảo”. Đối trị điên đảo này có nói bốn thứ công đức quả Ba-la-mật của Pháp thân Như lai.

Những gì là bốn công đức: 1. Thường Ba-la-mật. 2. Lạc Ba-la-mật. 3. Ngã Ba-la-mật. 4. Tịnh Ba-la-mật. Cho nên Kệ nói: “Tu hành pháp đối trị”. Do đó Kinh Thánh giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! chúng sinh phàm phu đối với pháp Ngũ Ấm khởi tưởng điên đảo, là vô thường tưởng thường, khổ tưởng hữu lạc tưởng, Vô ngã tưởng ngã, Bất tịnh nghĩ là tịnh. Bạch Đức Thế Tôn! Không trí của tất cả A-la-hán và Bích chi Phật, đối với cảnh giới của Nhất thiết trí và Pháp thân Như lai vốn là cái mà họ không thấy được. Nếu có chúng sinh tin lời Phật, đối với Pháp thân Như lai nghĩ là thường, nghĩ là lạc, nghĩ là ngã, tưởng tịnh. Bạch Đức Thế Tôn! Các chúng sinh kia không phải là Kiến điên đảo, mà gọi là Chánh kiến. Vì sao? Vì chỉ có Pháp thân Như lai là thường Ba-la-mật, Lạc Ba-la-mật, ngã Ba-la-mật, tịnh Ba-la-mật. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh đối với pháp thân Phật mà khởi thấy như vậy, thì đó là Chánh kiến. Bạch Đức Thế Tôn! Chánh kiến thật là con của Phật, từ nơi miệng Phật sinh, từ chánh pháp sinh, từ pháp hóa sinh, mà đắc pháp và các tài bảo khác...”.

Lại nữa, bốn thứ công đức Ba-la-mật của Pháp thân Như lai này từ nhân hưởng đến quả, thứ lớp mà nói phải biết là tịnh, ngã, lạc, thường.

Hỏi: Vì sao thứ lớp từ nhân hưởng đến quả?

Đáp: Là chương của Nhất-xiển-đề phủ bóng Đại thừa, thật không có tịnh mà tâm thích nhiễm chấp lấy thế gian tịnh. Để đối trị chương này, phải biết là các Đại Bồ-tát tin Đại thừa tu hành chứng đắc quả tịnh Ba-la-mật bậc nhất. Các chương của ngoại đạo thấy có thần ngã trong năm ấm. Thật không có thần ngã mà thích chấp trước ngã. Để đối trị chương này, phải biết là các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật,

chứng đắc quả Ba-la-mật là ngã bậc nhất.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Tất cả ngoại đạo chấp trước sắc... không phải sự chân thật, cho là có ngã, mà ngoại đạo kia chấp lấy tướng ngã, nhưng không có tướng ngã điên đảo như vậy, tất cả thời vô ngã, vì nghĩa đó nên nói: “Trí như thật của Như lai biết tất cả pháp Vô ngã cho đến bờ kia bậc nhất, nhưng Như lai không có tướng ngã và tướng vô ngã. Vì sao vậy? Vì mọi lúc đều thấy biết như thật không có luống dối, không có điên đảo.

Hỏi: Đây là dùng nghĩa gì?

Đáp: Là Vô ngã gọi là Hữu ngã. “Là Vô ngã”: Là không có thân ngã luống dối của ngoại đạo kia. “Gọi là Hữu ngã”, tức là Như lai đạt được ngã tự tại, nên kệ nói:

*Như chân không thanh tịnh,  
Đắc vô ngã bậc nhất,  
Chư Phật đắc Thể tịnh,  
Gọi là đắc Đại thân.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Đắc Đại thân, là Như lai đắc pháp thân chân như thanh tịnh bậc nhất của Như lai. Thân đó là thật ngã của Chư Phật, Như lai, vì đắc Thể tự tại, vì đắc thân thanh tịnh Đệ Nhất, nên kệ nói: “Chư Phật đắc Thể tịnh”. Vì nghĩa đó mà Chư Phật gọi là đắc tự tại thanh tịnh, nên kệ nói: “Gọi là đắc Đại thân”. Vì nương vào nghĩa này mà Chư Phật, Như lai, trong giới vô lậu đạt được ngã tự tại bậc nhất trên hết. Lại cũng nương vào nghĩa như vậy, Pháp thân Như lai không gọi là Hữu, vì tướng vô ngã và tướng vô pháp. Vì nghĩa đó nên không được nói là Hữu, vì như tướng kia, như vậy là Vô. Lại cũng nương vào nghĩa như vậy, Pháp thân Như lai không gọi là Vô, vì chỉ có Thể của Chân như nơi ngã kia, nên chẳng được nói là không có Pháp thân, vì như tướng kia như vậy là Hữu. Dựa vào nghĩa ấy, các ngoại đạo hỏi Như lai sau khi Niết-bàn, là hữu thân hay vô thân? Có các nghĩa như vậy, Như lai không ghi nhận, không đáp.

Các Thanh-văn sợ khổ thế gian, để đối trị sự sợ khổ thế gian đó, các Đại Bồ-tát tu hành các Tam-muội của tất cả thế gian và xuất thế gian, chứng đắc quả Ba-la-mật quả vui số một. Các Bích Chi Phật từ chối đem lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh, họ trụ trong vắng lặng. Để đối trị sự từ bỏ chúng sinh ấy, các Đại Bồ-tát tu hành đại bi, trụ vô hạn đồng thế gian, thường làm lợi ích cho chúng sinh, chứng đắc quả Ba-la-mật thường bậc nhất. Đó là Tín, Bát-nhã, Tam-muội, đại bi, là bốn thứ

tu hành của các Đại Bồ-tát. Như vậy theo thứ lớp đặc được tịnh, ngã, lạc, thường là bốn thứ công đức quả Ba-la-mật của thân Như lai. Lại cũng có nghĩa là nương vào bốn thứ Pháp thân Như lai này gọi là rộng lớn, như pháp giới cứu cánh, như hư không tận cùng đời vị lai.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì Tín tu hành Đại thừa, nên Chư Phật, Như lai thường đặc pháp giới thanh tịnh cho đến bờ kia bậc nhất. Do đó nói: “Rộng lớn như Pháp giới, tu Bát-nhã Ba-la-mật. Do đó Chư Phật, Như lai thành tựu pháp thân hư không, vì khí thế gian rất ráo vô ngã, vì tu hành vô lượng Tam-muội hư không tạng”. Vì nghĩa đó, trong tất cả xứ tất cả pháp đều được tự tại, nên nói: “Rất ráo như hư không”. Vì tu hạnh đại bi, khi đối với tất cả chúng sinh không có giới hạn, đặc tâm Từ bi bình đẳng, nên nói: “Tận đời vị lai”

Lại bốn thứ Ba-la-mật này trụ trong cõi vô lậu, Thanh-văn và Bích Chi Phật được sức mạnh tự tại, Bồ-tát vì chứng công đức Pháp thân bậc nhất bờ kia của Như lai, có bốn thứ chướng: 1. Tướng duyên.

2. Tướng nhân. 3. Tướng sinh. 4. Tướng hoại.

1. Tướng duyên, là Vô minh trụ địa, tức là vô minh trụ địa này làm duyên với hành, như vô minh duyên hành. Vô minh trụ địa duyên cũng như vậy.

2. Tướng nhân, là vô minh trụ địa duyên hành, tức là vô minh trụ địa này duyên hành làm nhân, như hành duyên thức. Nghiệp vô lậu duyên cũng như vậy.

3. Tướng sinh, là vô minh trụ địa duyên theo nhân của nghiệp vô lậu sinh ba thứ ý sanh thân, như bốn thứ thủ duyên theo nhân của nghiệp hữu lậu sinh nơi ba cõi, ba thứ ý sanh thân sinh khởi cũng như vậy.

4. Tướng hoại, là ba thứ ý sanh thân duyên nơi đối khách tử không thể nghĩ bàn, như nương vào sinh mà duyên nên có già chết. Ba thứ ý sanh thân duyên theo đối khách tử không thể nghĩ bàn cũng như vậy.

Lại nữa, tất cả phiền não nhiễm đều nương vào vô minh trụ địa căn bản của. Vì không lìa vô minh trụ địa nên Thanh-văn, Bích Chi Phật và Bồ-tát Đại lực, chưa thể xa lìa cấu nhiễm của vô minh trụ địa, nên chưa đạt được vô vi cứu cánh tịnh Ba-la-mật. Cũng vì nương vô minh trụ địa kia mà duyên, vì tướng tế nơi hý luận huân tập chưa được dứt trừ hẳn, nên chưa đạt được vô vi cứu cánh ngã Ba-la-mật. Cũng vì duyên vô minh trụ địa kia mà có tướng tế hý luận huân tập, do nghiệp vô lậu sinh nơi ý, ấm chưa được diệt hẳn, nên chưa đạt vô vi cứu cánh Lạc Ba-



la-mật. Vì các phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm, sinh nhiễm, chưa được diệt hẳn, nên chưa chứng cam lồ cứu cánh Pháp thân Như lai. Vì chưa xa lìa đối khácch sinh tử chẳng thể nghĩ bàn thường chưa rốt ráo, nên chưa đắc thể bất đối khác, nên chưa đạt được vô vi cứu cánh thường Ba-la-mật. Cũng như phiền não nhiễm, vô minh trụ địa cũng vậy. Như nghiệp nhiễm, hành nghiệp vô lậu cũng vậy. Như Sinh nhiễm, ba thứ Ý Sanh thân và Đối khách Sinh Tử chẳng thể nghĩ bàn cũng vậy. Như Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn ! Thí như nghiệp Thủ duyên Hữu Lậu, nhân đấy mà sinh ba cõi. Như vậy Bạch Đức Thế Tôn ! Nương vào vô minh trụ địa duyên nơi nhân của nghiệp vô lậu sinh ra ba thứ ý sanh thân của A-la-hán, Bích Chi Phật và Bồ-tát Đại lực. Bạch Đức Thế Tôn ! Ba thứ Ý Sanh thân nơi địa của ba thừa này sinh khởi, và nghiệp vô lậu sinh khởi, nương vào vô minh trụ địa là có duyên chẳng phải không duyên”. Các pháp như vậy trong Kinh Thắng-man nói rộng, phải biết.

Lại nữa, vì trước ba thứ Ý Sanh thân của Thanh-văn, Bích Chi Phật và Bồ-tát Đại lực, không có thân công đức giải thoát tịnh, ngã, lạc, thường Ba-la-mật, nên Kinh Thánh giả Thắng-man nói: “Chỉ có Pháp thân Như lai là thường Ba-la-mật, Lạc Ba-la-mật, ngã Ba-la-mật và Tịnh Ba-la-mật.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì tự tánh thanh tịnh của Pháp thân Như lai lìa tất cả tập khí của chướng phiền não và trí chướng nên gọi là tịnh, vì vậy nói: “Chỉ có Pháp thân Như lai là tịnh Ba-la-mật”. Vì đắc ngã tự tại vắng lặng bậc nhất, lìa Vô ngã hý luận Vắng lặng cứu cánh nên gọi là ngã, do đó nói: “Chỉ có Pháp thân Như lai là Ngã Ba-la-mật”. Vì đắc xa lìa nhân ý sanh ấm thân nên gọi là lạc, vì vậy nói: “Chỉ có Pháp thân Như lai là Lạc Ba-la-mật”. Vì thế gian và Niết-bàn bình đẳng chứng nên gọi là thường, do đó nói: “Chỉ có Pháp thân Như lai là thường Ba-la-mật”.

Lại nói lược có hai pháp, nương vào hai pháp này mà Pháp thân Như lai có Tịnh Ba-la-mật phải biết. Hai pháp là: 1. Tự tánh xưa nay thanh tịnh, vì tướng nhân. 2. Thanh tịnh lìa cấu, vì tướng thắng.

Có hai pháp, nương vào hai pháp này mà Pháp thân Như lai có Ngã Ba-la-mật, phải biết. Hai pháp là: 1. Xa lìa các Biên ngoại đạo, vì lìa hý luận luống dối về ngã. 2. Xa lìa Biên các Thanh-văn, vì lìa hý luận về Vô ngã.

Có hai pháp, nương vào hai pháp này mà Pháp thân Như lai có Lạc Ba-la-mật phải biết. Hai pháp là: 1. Xa lìa tất cả khổ. 2. Xa lìa tất

cả tập khí phiền não.

Hỏi: Đây là nói nghĩa gì? Vì sao xa lìa tất cả khổ?

Đáp: Vì dứt trừ tất cả các thứ khổ, vì dứt trừ tất cả ý sanh thân.

Hỏi: Vì sao xa lìa tập khí phiền não?

Đáp: Vì chứng tất cả pháp.

Có hai pháp, nương hai pháp này mà Pháp thân Như lai có Thường Bất-đức Thế Tôn phải biết. Hai pháp là: 1. Không dứt trừ tất cả hành Hữu vi, vì lìa bên chấp đoạn. 2. Không chấp giữ Niết-bàn vô vi, vì lìa bên chấp Thường. Vì nghĩa đó, nên trong Kinh Thánh giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Thấy các Hành vô thường, là Đoạn kiến không phải chánh kiến. Thấy Niết-bàn thường, là thường Kiến không phải chánh Kiến, vì vọng tưởng mà thấy, vì khởi thấy như vậy. Do nghĩa đó, nên nương theo như trước đã nói pháp môn pháp giới bậc nhất nghĩa đế, nói: “Tức pháp thế gian là Niết-bàn”. Vì hai pháp này vô phân biệt, vì chứng thế gian, Niết-bàn Bất Trụ, nên kệ nói:

*Người hành vô phân biệt,  
Vô phân biệt thế gian,  
Vô phân biệt Niết-bàn,  
Niết-bàn có bình đẳng.*

Hỏi: Nửa Kệ sau nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Nếu người không Phật tánh,  
Không nên chán các khổ,  
Không cầu vui Niết-bàn,  
Cũng không muốn không nguyện.*

Vì nghĩa này nên Kinh Thánh Giả Thắng-man Kinh nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không có Như lai tạng, thì không được chán khổ, vui thích cầu Niết-bàn, cũng không muốn Niết-bàn, cũng không mong cầu.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược Phật tánh thanh tịnh là chánh nhân đối với chúng sinh nhóm Bất định có thể khởi hai thứ nghiệp. Hai thứ nghiệp là:

1. Y theo thấy các thứ khổ não của thế gian, vì chán các khổ nên sinh tâm muốn lìa tất cả khổ não trong các thế gian. Kệ rằng: “Người nếu không Phật tánh, không nên chán các khổ”.

2. Y theo thấy Niết-bàn vui, vì mong cầu vui Vắng lặng sinh mà tâm cầu, tâm mong, tâm Nguyện. Kệ rằng: “Người nếu không Phật tánh, không cầu lạc Niết-bàn”, vì không mong muốn không nguyện. Lại

Dục là cầu Niết-bàn. Cầu là hy vọng Niết-bàn, hy vọng là trong mong cầu pháp không yếu đuối. Mong muốn đạt được là phương tiện tìm cầu trong pháp được cầu và thăm hỏi. Nguyên, là pháp được kỳ hẹn. Pháp được kỳ hẹn, là Tâm nối tâm cùng hành, nên kệ rằng:

*Thấy quả khổ, quả lạc,  
 Đây nường tánh mà có,  
 Nếu người vô Phật tánh,  
 Không khởi tâm như vậy.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Hễ ai thấy có quả khổ thế gian, thì thấy có quả vui Niết-bàn. Hai pháp này là gốc lành của chúng sinh, có tất cả dựa nơi nhân là Phật tánh Chân như, không phải lìa Phật tánh không có nhân duyên, nên khởi tâm như vậy. Kệ rằng: “Thấy quả khổ, quả vui. Đây nường tánh mà có”. Nếu không có nhân duyên sinh tâm như vậy, thì Nhất-xiển-đề đều không có tánh Niết-bàn, phải phát tâm Bồ-đề, nên kệ nói: “Nếu người không Phật tánh, Không khởi tâm như thế”. Vì tánh chưa lìa các cấu của tất cả phiền não khách trần, trong ba thừa không hề có tu tập tín tâm của Nhất thừa cũng chưa gần gũi thiện tri thức, cũng chưa tu tập nhân duyên thân cận thiện tri thức, nên trong Luận Hoa Nghiêm tánh Khởi nói: “Kế là có cho đến nhóm tà Kiến, trong thân chúng sinh đều có ánh sáng chiếu soi của vầng mặt trời Như lai, làm cho chúng sinh kia được lợi ích, làm nhân Gốc lành của vị lai nuôi lớn các pháp thiện.

Hỏi: Vừa nói Nhất-xiển-đề thường không nhập Niết-bàn, không có tánh Niết-bàn, đây là nói nghĩa gì?

Đáp: Vì muốn nói về nhân chê bai Đại thừa.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì muốn hồi chuyển tâm chế nhạo Đại thừa và tâm không cầu Đại thừa, vì y theo vô lượng thời mà nói như vậy, vì Nhất-xiển-đề kia thật có tánh thanh tịnh, không nên nói: “Nhất-xiển-đề kia thường rất ráo không có tánh thanh tịnh”. Lại cũng nương vào nghĩa Tương Ứng, nên nói một bài kệ rằng:

*Biển cả, đựng nước báu,  
 Vô lượng không thể hết,  
 Như đèn sáng chiếu sắc,  
 Tánh công đức như vậy.*

Nửa đầu bài Kệ nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Pháp thân Phật tuệ định,*

*Bi nhiếp tánh chúng sinh,  
Nước biển châu báu thấy,  
Pháp tương tự tương đối.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì có ba Xứ, thứ lớp có ba thứ pháp tương tự tương đối của biển cả. Phải biết trong tánh Như lai nương vào nhân tất cánh mà thành tự nghĩa tương ứng. Ba Xứ là: 1. Nhân pháp thân thanh tịnh. 2. Nhân Tập Phật trí. 3. Nhân Đắc Như lai đại bi.

1. Nhân pháp thân thanh tịnh, là tin tu hành Đại thừa là pháp khí tương tự tương đối, vì nhân kia vô lượng không thể cùng tận, nên kệ nói: “Pháp thân Phật”, là biển pháp tương tự tương đối.

2. Nhân Phật trí, là châu báu của Bát-nhã Tam-muội là pháp tương tự tương đối, nên kệ nói: “Tuệ định”, là châu báu nơi pháp tương tự tương đối.

3. Nhân Đắc đại bi Như lai, vì nước của tâm đại từ bi là pháp tương tự tương đối, nên kệ nói: “Bi thâm tánh chúng sinh”, nước là pháp tương tự tương đối.

Lại tu hành môn trí tuệ Tam Muội báu là pháp tương tự tương đối, trí tuệ kia là vô phân biệt chẳng thể nghĩ bàn do tương ứng thế lực lớn. Lại tu hành nước Đại bi Bồ-tát là pháp tương tự tương đối, vì đối với tất cả chúng sinh, tâm Đại Bi nhu hòa đặc vị cùng hành trong một vị. Như vậy ba pháp kia, hòa hợp với ba nhân này, rốt ráo không lìa nhau, nên gọi là tương ứng.

Hỏi: Nửa Kệ sau nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Thông, trí và vô cấu,  
Không xa lìa Chân như,  
Như đèn sáng, sắc ấm,  
Cõi vô cấu tương tự.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Có ba xứ thứ lớp với ba loại đèn là pháp tương tự tương đối. Trong pháp giới của Như lai, phải biết nương vào nghĩa của quả Tương Ứng. Ba Xứ là: 1. Thông. 2. Trí biết rõ về lậu tận. 3. Lậu tận.

Hỏi: Đây là lấy nghĩa gì?

Đáp: Thông, có năm Thông quang minh là pháp tương tự tương đối, vì sự thọ dụng có thể tan diệt. Pháp tương tự tương đối kia trái với trí, vì pháp của sự đối trị tối tăm có thể trị pháp tương tự tương đối, nên kệ nói: “Thông”, minh.

Trí biết rõ về lậu tận: Là Trí vô lậu Noãn thuộc pháp tương tự tương đối, vì có thể đốt cháy nghiệp phiền não không còn sót, vì có thể đốt cháy pháp tương tự tương đối, nên kệ nói: “Trí”, Noãn.

Lậu Tận là chuyển thân lậu tận của sắc thuộc pháp tương tự tương đối, vì thường vô cấu thanh tịnh, ánh sáng đầy đủ tương vô cấu là pháp tương tự tương đối, nên kệ nói: “Vô cấu”, sắc. Lại nữa, vô cấu, vì lia phiền não chướng. Thanh tịnh là vì lia trí chướng. Ánh sáng là như cửa tự tánh thể thanh tịnh. Hai thứ phiền não chướng và trí chướng kia là phiền não khách trần. như vậy đã nói lược sáu thứ vô lậu trí, lia phiền não là sự thâm nhập pháp của thân Vô học, trong pháp Vô lậu thì đây kia đáp đối qua lại không hề lia nhau, pháp giới không sai khác, bình đẳng rốt ráo, phải biết gọi là nghĩa tương ứng.

Lại nương vào nghĩa hành mà nói một Kệ:

*Lời nói người thấy thật,  
Phàm phu, bậc Thánh, Phật,  
Chúng sinh Như lai tạng,  
Chân như không sai khác.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Phàm phu tâm điên đảo,  
Thấy thật thì lại khác,  
Như thật không điên đảo,  
Chư Phật là hý luận.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Vừa nói tất cả pháp trong pháp giới của Như lai, Chân như thanh tịnh hiển rõ đồng tướng, nương vào pháp môn Bát-nhã Ba-la-mật Trí Vô phân biệt, vì các Đại Bồ-tát mà nói.

Hỏi: Đây là nghĩa gì?

Đáp: Nói lược nương vào ba hạng người. Ba hạng người là: 1. Phàm phu không thật thấy. 2. Bậc Thánh thật thấy. 3. Thành tựu rốt ráo Pháp thân Như lai. Phải biết đó là ba Hạnh.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Là chấp điên đảo, lìa điên đảo, lìa hý luận, thứ lớp như vậy.

Hỏi: Đây là nghĩa gì?

Đáp: Chấp điên đảo, là ba tướng Luống dối mà tâm của các phàm phu thấy, nên kệ nói: “Phàm phu tâm điên đảo”. Lìa điên đảo, là bậc Thánh xa lìa Luống dối tướng tâm mà thấy, nên kệ nói: “Thấy thật khác

bậc Thánh”. Lìa hý luận, chính là lìa điên đảo và các hý luận, vì phiền não chướng, trí chướng và tập khí phiền não, Chư Phật, Như lai đã dứt hết hẳn, nên kệ nói: “Như thật không điên đảo, Chư Phật lìa hý luận”.

Từ đây trở xuống còn lại bốn thứ nghĩa nói rộng về sự sai khác, phải biết. Lại nương ngay nơi ba hạng người kia, nương vào thời sai khác mà nói một Kệ:

*Có bất tịnh, có tịnh,  
Và lấy thiện tịnh thấy,  
Như vậy thứ lớp nói,  
Chúng sinh, Bồ-tát, Phật.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Sáu câu nghĩa thể thấy,  
Nói lược Thể pháp tánh,  
Thứ lớp trong ba thời,  
Nói ba thứ Danh Tự.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Là nói về pháp tánh vô lậu ở trước, Như lai nói rộng các thứ pháp môn, các pháp môn nói lược nương vào sáu cú nghĩa, điều gọi là thâm nhiếp về nhóm thể, nhân quả, nghiệp, tương ứng và hành, nên kệ nói: “Sáu câu nghĩa của thể, nói lược Thể pháp tánh”, trong ba thời thứ lớp nương theo ba thứ danh tự rất ráo phải biết, nên kệ nói: “Thứ lớp trong ba thời. Nói ba thứ danh tự”.

Hỏi: Đây là lấy nghĩa gì?

Đáp: Là lúc bất tịnh gọi là chúng sinh, nên kệ nói: “Có bất tịnh”. Khi có cả bất tịnh và tịnh gọi là Bồ-tát, nên kệ nói: “Có tịnh”. Đối với lúc hoàn toàn tịnh gọi là Như lai, nên kệ nói: “Và lấy các thiện tịnh”. Vì ý nghĩa đó nên Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “Nầy Tôn giả Xá-lợi-phất! Ngay pháp thân nầy nhiều hơn số cát sông Hằng, là sự trôi buộc của vô lượng phiền não, từ vô thủy đến nay thuận theo sóng dữ sinh tử của thế gian trôi nổi qua lại, gọi là chúng sinh. Nầy Xá-lợi-phất! Ngay pháp thân nầy chán lìa khổ não sinh già của thế gian, xả bỏ tất cả Dục, tu hành mười Ba-la-mật thâm nhiếp tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu Hạnh Bồ-đề, gọi là Bồ-tát. Nầy Xá-lợi-phất! Ngay pháp thân nầy được lìa các sai sử vây buộc của tất cả phiền não, vượt qua tất cả khổ, lìa tất cả phiền não cấu mà được tịnh, được thanh tịnh, được trụ trong pháp thanh tịnh bờ kia, đến địa được quán của tất cả chúng sinh, trong tất cả cảnh giới lại không còn có người nào cao quý hơn, lìa tất cả chướng, lìa tất cả

Ngại, trong tất cả pháp chứng đắc lực tự tại, gọi là Như lai Ứng chánh biến Tri”. Kệ rằng: “Như vậy thứ lớp nói, chúng sinh, Bồ-tát, Phật”. Từ đây trở xuống dựa vào ba thời để nói về pháp tánh Như lai khắp tất cả Xứ, nên nói một Kệ:

*Như hư không trùm khắp,  
Mà không, vô phân biệt,  
Tự tánh tâm không nhơ,  
Cũng khắp vô phân biệt.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Hơn công đức cứu cánh,  
Biến chí và đồng tướng,  
Hơn chúng sinh hạ trung,  
Như sắc trong hư không.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Tất cả phàm phu, bậc Thánh Chư Phật, Như lai, tự tánh tâm thanh tịnh, bình đẳng vô phân biệt, tâm thanh tịnh kia trong ba thời thứ lớp đối với thời Tội Lỗi, đối với thời công đức, đối với thời công đức thanh tịnh rất ráo. Đồng Tướng không sai khác cũng như hư không trong ba khí vật Gạch, bạc, vàng bình đẳng không sai khác, tất cả thời đều có. Vì nghĩa đó, trong Kinh nêu rõ có ba thời thứ lớp, như Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “Nầy Xá-Lợi-Phất ! Không lìa thế giới chúng sanh mà có pháp thân, không lìa pháp thân mà có thế giới chúng sanh. Thế giới chúng sanh tức là pháp thân, pháp thân tức là thế giới chúng sanh. Xá-Lợi-Phất! Hai pháp này, nghĩa một mà danh khác”.

Từ đây trở xuống, nương ngay ba thời này để nói về Pháp tánh Như lai trùm khắp tất cả Xứ, nương vào thời nhiễm tịnh không đổi khác, có mười lăm bài Kệ, phải biết các bài Kệ trong mười lăm bài Kệ này nói lược về nghĩa chính yếu. Kệ rằng:

*Các lỗi khách trần đến,  
Tương ưng tánh công đức,  
Thế chân pháp bất biến,  
Như đầu, cuối cũng thế.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Mười một kệ và hai,  
Thứ lớp thời bất tịnh,  
Lỗi phiền não khách trần,*

*Thứ mười bốn, mười lăm.  
 Ở trong thời thiện tịnh,  
 Hơn Hằng sa pháp Phật,  
 Không lia thoát nghĩ bàn,  
 Công đức tự tánh Phật.  
 Khoảng cách trong bản tế,  
 Và cùng hậu tế thấy,  
 Chân như tánh Như lai,  
 Thể không biến, không khác.*

Kệ thứ nhất nưong vào không biến, không khác khi bất tịnh, mười một bài kệ là:

*Như hư không đến khắp,  
 Thể tế, trần bất nhiễm,  
 Phật tánh khắp chúng sinh,  
 Các phiền não bất nhiễm.  
 Như tất cả thế gian,  
 Nưong hư không sinh diệt,  
 Nưong vào giới vô lậu,  
 Có các căn sinh diệt.  
 Lửa chẳng đốt hư không,  
 Nếu đốt, không việc đó,  
 Như vậy già bệnh chết  
 Không thể đốt Phật tánh.  
 Đất nưong nước mà trụ,  
 Nước lại nưong vào gió,  
 Gió nưong vào hư không,  
 Hư không chẳng nưong đất...  
 Như vậy ấm, giới, căn,  
 Trụ trong nghiệp phiền não,  
 Các nghiệp phiền não thấy,  
 Trụ bất thiện tư duy.  
 Hành tư duy bất thiện,  
 Ở trong tâm thanh tịnh,  
 Tâm tự tánh thanh tịnh,  
 Không trụ các pháp kia.  
 Ấm nhập giới như đất,  
 Nghiệp phiền não như nước,  
 Niệm bất chánh như gió,*



Cõi tâm tịnh như không.  
 Nương tánh khởi niệm tà,  
 Niệm khởi nghiệp phiền não,  
 Y theo nghiệp phiền não,  
 Năng khởi ấm, nhập, giới.  
 Nương dựa vào năm ấm,  
 Các pháp giới nhập thấy,  
 Có các căn sinh diệt,  
 Như thế giới thành hoại.  
 Tâm tịnh như hư không,  
 Vô nhân lại vô duyên,  
 Và nghĩa không hòa hợp,  
 Cũng không sinh trụ diệt.  
 Tâm tịnh như hư không,  
 Thường sáng không chuyển biến,  
 Vì phân biệt lưỡng đối,  
 Phiền não khách trần nhiễm.

Hỏi: Kệ Thí dụ về hư không này, kệ nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói về tánh Như lai, nương vào thời bất tịnh mà pháp thể bất biến.  
Kệ rằng:

Gió tư duy bất chánh,  
 Nước các nghiệp phiền não,  
 Hư không tâm tự tánh,  
 Không bị hai kia sinh.  
 Tâm Tự tánh thanh tịnh,  
 Tướng nó như hư không,  
 Gió tư duy tà niệm,  
 Đều không thể tan hoại.  
 Nước các nghiệp phiền não,  
 Đều không thể thấm rã,  
 Lửa rục già bệnh chết,  
 Đều không thể thiêu đốt.

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Như nương vào Phong luân tà niệm mà dấy khởi nhóm nước nghiệp phiền não. Nương vào nhóm nước nghiệp phiền não mà sinh ấm giới nhập nơi thế gian, nhưng tâm tự tánh hư chẳng phải không sinh không khởi, nên kệ nói: “Gió tư duy bất chánh, nước các nghiệp phiền não, tự tánh tâm hư không, chẳng bị hai kia sinh”. Như vậy nương vào

Phong Tai tà niệm, Thủy Tai nghiệp hành phiền não, Hỏa Tai, già bệnh chết mà thối thắm, đốt hoại ấm nhập giới thế gian, nhưng tự tánh tâm thanh tịnh như hư không thường trụ không hoại. Như vậy khí thế gian trong thời bất tịnh là pháp tương tự tương đối, các phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm, Sinh nhiễm đều có Tập có Diệt. Còn tánh vô vi của Chư Phật, Như lai cũng như hư không, bất sinh, bất diệt, thường không thay đổi, nói về Thể pháp. Pháp môn tự tánh thanh tịnh này là thí dụ về hư không.

Như trong kinh Đà-la-ni Tự Tại vương Bồ-tát có nói rộng, phải biết trong Kinh đó nói: “Này các người Thiện Nam! phiền não vốn không có tự Thể, Chân tánh vốn sáng sạch. Tất cả phiền não yếu mỏng, là Tỳ-bà-xá-na (quán) có thể lực lớn, tất cả phiền não khách trần, là căn bản của tâm tự tánh thanh tịnh. Tất cả các phiền não phân biệt luống dối, là tự tánh tâm thanh tịnh như thật vô phân biệt. Này các Phật tử! Ví như đất nương nước mà trụ, nước nương gió mà trụ, gió nương hư Không mà trụ, nhưng hư không kia thì không nương vào đâu để trụ. Này các thiện nam! Bốn Đại như vậy, Địa Đại, nước Đại, gió Đại, không Đại, trong bốn Đại này chỉ có không Đại là trên hết, làm Đại lực, là vững chắc, là bất động, là bất tán, là bất sinh, là bất diệt, tự nhiên mà trụ. Này các thiện nam! Ba thứ đại kia tương ứng sinh diệt, không có thể tánh thật, sát-na không trụ. Này các Phật tử! Ba đại này đối khác, vô thường. Này các Phật tử! Nhưng thế giới hư không thường không đối khác. Này các Phật tử! Như vậy Ấm, Giới, Nhập nương nghiệp phiền não mà trụ, các nghiệp phiền não nương tư duy bất chánh mà trụ, tư duy bất chánh nương tánh tự Phật tánh tâm thanh tịnh mà trụ”.

Vì nghĩa đó nên trong kinh nói: “Tự tánh tâm thanh tịnh bị phiền não khách trần nhiễm. Này các thiện nam! Tất cả tà niệm, tất cả nghiệp phiền não, tất cả Ấm, Giới, Nhập, các pháp như vậy tùy theo nhân duyên hòa hợp mà sinh, vì các nhân duyên tan hoại mà diệt. Này các thiện nam! Như giới hư không, tâm tự tánh thanh tịnh cũng giống như vậy. Như thế giới phong Đại, tư duy bất chánh cũng giống như vậy. Như giới thủy Đại, các nghiệp phiền não cũng giống như vậy. Như giới địa đại, Ấm, Giới, Nhập cũng giống như vậy”. Cho nên nói: “Tất cả các pháp đều không có căn bản, đều không chắc thật, không có trụ, không có gốc trụ, căn bản thanh tịnh, không có căn bản”.

Đã nói trong thời bất tịnh nương tương vô phân biệt, tự tánh tâm thanh tịnh như thế giới hư không là pháp tương tự tương đối. Đã nói nương tự tánh tâm thanh tịnh khởi Phong giới không chánh niệm là

pháp tương tự tương đối. Đã nói nương nơi niệm bất chánh khởi thủy giới nghiệp phiền não làm nhân tướng, là pháp tương tự tương đối; đã nói nương theo chỗ sinh Ấm, Giới, Nhập là tướng quả, chuyển biến Địa là pháp tương tự tương đối; chưa nói già, bệnh, chết thiêu đốt v.v... các tướng lửa, là pháp tương tự tương đối, nên kể là nói Kệ:

*Có ba lửa thứ lớp,  
Cướp đốt người, địa ngục,  
Tạo ra các thứ khổ,  
Thành thực các hành căn.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói về ba pháp này là lửa già bệnh chết, trong thời bất tịnh không thể đổi khác Như lai tạng kia, nên Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Sinh tử, là nương Thế Đế nên nói có sinh tử. Bạch Đức Thế Tôn! Chết thì các căn hoại. Bạch Đức Thế Tôn! Sinh thì các căn dấy khởi. Bạch Đức Thế Tôn! Nhưng Như lai tạng thì ch sinh chẳng già chẳng tử chẳng biến. Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Như lai tạng, là lìa cảnh giới của tướng Hữu vi. Bạch Đức Thế Tôn! Như lai tạng, là thường hằng, mát mẻ không thay đổi”.

Đã nói nương vào không thay không đổi của thời bất tịnh, kể là nương không thay không đổi của thời tịnh, bất tịnh mà nói hai Kệ:

*Đại Bồ-tát,  
Biết Phật tánh như thật,  
Chẳng sinh cũng chẳng diệt,  
Cũng không già bệnh thảy.  
Bồ-tát biết như vậy,  
Được lìa khỏi sinh tử,  
Vì thương xót chúng sinh,  
Thị hiện có sinh diệt.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Các khổ, già, bệnh, chết  
Bậc Thánh dứt trừ hẳn,  
Nương nghiệp phiền não sinh,  
Các Bồ-tát không có.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói về lửa khổ của già, bệnh, chết... trong thời bất tịnh, nương vào bản sinh của nghiệp phiền não, như lửa thế gian nương vào bản Sinh là củi, vì các Bồ-tát được sinh Ý Sanh thân, đối với thời tịnh,

bất tịnh rồi ráo diệt hẳn. Vì nghĩa đó, nên các nghiệp phiền não thường không thể thiêu đốt, nhưng vì nương vào lực Từ bi, nói về sinh già, bệnh, chết, mà xa lìa Sinh già, bệnh, chết, vì thấy như thật. Do nghĩa đó, nên các Đại Bồ-tát nương vào gốc lành nơi kiết sử mà sinh, không phải nương lực của tâm tự tại mà sinh. Dù nương vào nơi kiết sử của nghiệp mà sinh, dù nương vào lực đại bi hiện đối với ba cõi để nói về sinh, nói về già, nói về bệnh, thị hiện chết, nhưng Bồ-tát kia không có các pháp khổ của sinh, già, bệnh, chết, vì thấy Chân như như thật, Phật tánh bất sinh bất diệt, nên gọi là thời tịnh, bất tịnh phải biết, như trong kinh nói đã nói rộng là nương vào Ái nghiệp vô lậu phiền não căn bản.

Như đức Trong kinh Như lai Đại Hải Tuệ Bồ-tát, nói: “Này Đại Hải tuệ ! Pháp gì có thể trụ vào thiện căn thế gian tương ứng phiền não? Đó là nhóm hợp các gốc lành không có chán đủ, vì tâm nguyện sinh thân lấy các hữu, vì cầu thấy tất cả Chư Phật, Như lai, vì giáo hóa tất cả chúng sinh, tâm không mỏi mệt, nhiếp lấy tất cả pháp mầu của Chư Phật, đối với tất cả chúng sinh thường làm lợi ích, thường không lìa bỏ Kiết sử của các pháp lạc tham, thường không lìa bỏ Kiết sử của các Ba-la-mật. Đại Hải tuệ! Đó là các Đại Bồ-tát với các gốc lành thế gian tương ứng phiền não, nương vào phiền não này, các Đại Bồ-tát sinh vào ba cõi chịu các thứ khổ, nhưng không bị phiền não tội lỗi của ba cõi làm nhiễm ô.

Đại Hải Tuệ Bồ-tát bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Các gốc lành này vì sao nói là phiền não? Phật bảo Bồ-tát Đại Hải Tuệ: Này Đại Hải Tuệ! Do phiền não như vậy mà các Đại Bồ-tát có thể sinh vào ba cõi thọ các thứ khổ, là vì nương vào phiền não này mà có ba cõi, chẳng phải nhiễm phiền não trong ba cõi mà sinh. Đại Hải Tuệ! Bồ-tát dùng phương tiện trí lực, nương vào lực gốc lành mà tâm sinh ra ba cõi, nên gọi là gốc lành tương ứng phiền não sinh ba cõi, không phải do tâm nhiễm mà sinh. Đại Hải Tuệ! Thí như trưởng giả hoặc cư sĩ... chỉ có một đứa con, rất yêu rất nhớ, thấy mặt thì vui mừng, nhưng người con kia dựa vào nhân là tâm ngu si mà vui đùa, bị rơi vào hố phần rất sâu trong nhà xí. Khi cha mẹ và các thân thuộc, thấy người con kia bị rơi vào hố phần rất sâu trong nhà xí lớn, liền kêu la, xót thương khóc lóc, nhưng không ai nhảy xuống chỗ ấy để cứu đứa con.

“Bấy giờ, trong đám người đó có con của Trưởng giả, hoặc con của cư sĩ, thấy đứa trẻ kia rơi xuống hố sâu liền sinh khởi tưởng người con, sinh tâm ái niệm, không khởi tâm ác, liền nhảy xuống đó kéo người con kia lên. Này Đại Hải Tuệ! Vì nói lên nghĩa ấy mà nêu thí dụ này.

Này Đại Hải Tuệ ! Thế nào là nghĩa kia? Đại Hải Tuệ! Hố sâu phần uest trong nhà xí, là ba cõi. Đại Hải Tuệ! Con một, là tất cả chúng sinh. các Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh mà nghĩ là đứa con một. Này Đại Hải Tuệ ! Lúc đó, Cha mẹ và các thân thuộc, là hạng Thanh-văn và Bích Chi Phật, vì người Nhị thừa thấy các chúng sinh rơi xuống hầm xí rất sâu rất lớn của thế gian, liền xót thương khóc lóc, nhưng không thể cứu độ các chúng sinh kia. Đại Hải Tuệ! Lúc đó, lại có con của một Trưởng giả hoặc con của một cư sĩ, là Đại Bồ-tát, vì lia các phiền não mà vô cấu thanh tịnh, vì lia tâm cấu mà hiện thấy Chân như, pháp giới Vô vi, vì tâm tự tại mà hiện sinh nơi ba cõi, để giáo hóa các chúng sinh kia. Này Đại Hải Tuệ! Đó là đại bi của Đại Bồ-tát, rất ráo xa lia các Hữu, rất ráo xa lia các trói buộc, mà lại sinh vào ba cõi, vì nương phượng tiện là lực Bát-nhã mà lửa phiền não không thể thiêu đốt. Muốn giúp cho tất cả xa lia các trói buộc, mà nói Pháp cho họ nghe. Này Đại Hải Tuệ! Nay Ta nói về câu kinh này, nương vào tâm của các Bồ-tát, vì lợi ích cho tất cả chúng sinh, đặc lực tự tại sinh nơi ba cõi; nương vào các gốc lành và năng lực của tâm Từ bi, nương vào phượng tiện là lực Bát-nhã, nên nói về thời tịnh và thời bất tịnh. Lại Đại Bồ-tát dùng trí như thật để biết Pháp thân Như lai là Bất Sinh Bất Diệt, mà đặc công đức vì Thế pháp của Đại Bồ-tát như vậy”.

Từ đây trở xuống, kể là nói thí dụ về châu báu Đại-tỳ-lưu-li Ma-ni.

“Phật nói: Này Đại Hải Tuệ ! Ví như châu báu Đại-tỳ-lưu-li Ma-ni vô giá, khéo Trị, khéo tịnh, khéo tỏa sáng, bị rơi trong bùn, một ngàn năm. Báu Ma-ni kia trải qua một ngàn năm sau mới ra khỏi chốn bùn, rồi dùng nước tẩy rửa, mới được rất sạch, sau đó mới rất trong sáng, liền không mất Thế thanh tịnh vô cấu của báu Ma-ni trước kia. Này Đại Hải Tuệ! Đại Bồ-tát cũng giống như vậy. Thấy biết như thật về tự tánh thanh tịnh, tâm tịnh sáng tỏ của tất cả chúng sinh, nhưng bị phiền não khách trần làm nhiễm ô. Này Đại Hải Tuệ! Các Bồ-tát tâm nghĩ rằng: Các phiền não kia không nhiễm tự tánh tâm thanh tịnh của chúng sinh. Đó là các tâm do phiền não khách trần phân biệt luống dối đấy khởi. Các Bồ-tát tâm lại nghĩ rằng: Ta nay dốc lòng khiến cho các chúng sinh rất ráo xa lia các phiền não cấu uế của khách trần, nói pháp họ nghe. Như vậy Bồ-tát không sinh tâm yếu đuối, chuyển tất cả chúng sinh phát sinh lực tăng thượng, Ta phải rất ráo khiến cho họ được giải thoát. Bồ-tát bấy giờ tâm lại nghĩ rằng: Các phiền não này không có tự thể, các phiền não mỏng yếu, các phiền não đó không có chỗ ở. Như vậy Bồ-tát

biết như thật các phiền não do phân biệt lường dối mà có, nương vào tà kiến và tà niệm mà có, vì những người có chánh kiến, thì các phiền não cấu uế không thể khởi được. Lúc này Bồ-tát tâm lại suy nghĩ rằng: Ta phải quán sát đúng như thật các phiền não khiến chúng không sinh lại nữa. Vì không sinh phiền não nên sinh các pháp thiện. Nếu ta tự khởi phiền não, thì làm sao vì chúng sinh bị các phiền não trói buộc thuyết pháp khiến họ lìa các phiền não ấy được? Vì ta không nhiếp các phiền não, nên vì các chúng sinh bị phiền não trói buộc thuyết pháp. Ta phải tu hành các Ba-la-mật, khiến các Kiết sử phiền não tương ứng gốc lành, vì muốn giáo hóa các chúng sinh”.

Hỏi: Lại nữa, Thế nào gọi là thế gian?

Đáp: Vì ba cõi là pháp tướng tự hình bóng trong gương.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Nương vào pháp giới vô lậu phải biết có ba thứ Ý Sanh thân, thân đó dựa theo sự sanh khởi của gốc lành vô lậu gọi là thế gian, vì lìa sự khởi pháp thế gian của các nghiệp phiền não Hữu Lậu, cũng gọi là Niết-bàn. Nương vào nghĩa này mà Kinh Thánh giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn ! Có thế gian Hữu vi, có thế gian vô vi. Bạch Đức Thế Tôn! Có Niết-bàn Hữu vi, có Niết-bàn vô vi”. Lại nữa, vì Hữu vi, Vô vi, pháp tâm, tâm Sở tương ứng với pháp, nên gọi là thời tịnh và thời bất tịnh. Nghĩa này là nói theo Bồ-tát Địa Hiện Tiền thứ sáu. Các lậu dứt hết Bát-nhã-ba-la-mật vô chướng ngại, giải thoát hiện tiền, tu hành đại bi kia, dùng để cứu giúp tất cả chúng sinh, không chấp lấy sự chứng đắc, như trong Kinh Bảo Man nêu rõ, vì nương vào sự dứt hết lậu mà nói thí dụ đi vào thành.

Kinh ấy nói: “Này Thiện nam! Ví như có ngôi thành, rộng mỗi bề một do-tuần, có nhiều cửa vào, đường đi hiểm trở tối tăm đáng sợ, có nhiều người vào thành để thọ hưởng an vui. Lại có một người, chỉ có một đứa con, rất thương yêu quý trọng, từ xa nghe ngôi thành ấy có nhiều hoan lạc như vậy, liền bỏ con, muốn vào thành. Người đó tìm cách vượt qua quãng đường hiểm trở, đến cửa thành, một chân đã bước vào, một chân chưa, liền nhớ đến con, lại nghĩ: Ta chỉ có một đứa con, đến bây giờ vì sao không sống chung? Ai có thể dưỡng nuôi giúp đỡ khiến cho con ta lìa khổ? Liền bỏ thành trở về chỗ con mình. Này người thiện nam! Đại Bồ-tát cũng giống như vậy, vì thương xót chúng sanh nên tu tập năm Thông, đã tu tập rồi, sắp được dứt Lậu nhưng không chứng đắc. Vì sao? Vì thương xót các chúng sinh nên xả lậu tận Thông cho đến tu hành trong địa phàm phu này người thiện nam! Thành đó dụ cho Đại

Bát Niết-bàn. Có nhiều cửa vào, là dụ cho tám vạn các môn Tam-muội. Đường đi hiểm trở tối tăm đáng sợ, là dụ cho các nghiệp ma. Đến cửa thành đó, là dụ cho năm Thông. Một chân đã vào, là dụ cho trí tuệ còn Một chân chưa, là dụ cho các Bồ-tát chưa chứng giải thoát. Một con, là dụ cho tất cả chúng sinh trong năm đường. Liên nhớ đến con, là dụ cho tâm đại bi. Trở về chỗ con mình, là dụ cho sự điều phục chúng sinh. Sắp được dứt lậu nhưng không chứng đắc, tức là phương tiện. Thiện Nam! Đại Bồ-tát có tâm Đại Từ đại bi không thể nghĩ bàn. Như vậy, này Này Thiện Nam! Đại Bồ-tát có năng lực phương tiện lớn, phát Đại tinh tấn, khởi tâm Vững chắc, tu hành Thiền định chứng được năm Thông. Bồ-tát Như thế nương vào nghiệp thần thông, khéo tu tâm tịnh vô lậu, định Diệt tận hiện tiền, Bồ-tát liền sinh tâm đại bi, vì cứu độ tất cả chúng sinh nên trí thông vô lậu hiện tiền nên hồi chuyển, không thủ chứng Niết-bàn Vắng lặng. Vì giáo hóa chúng sinh nên trở lại lấy thế gian, cho đến nói về người nơi Địa phàm phu. Bồ-tát nơi Địa Diệm tuệ thứ bốn, vì tự lợi ích mà khéo khởi tinh tấn, vì lợi tha mà khéo khởi tâm Vững chắc, lậu dứt sạch hiện tiền. Bồ tát trong địa Nan thắng thứ năm, nương vào năm Thông mà tự Lợi lợi tha, khéo thành thực tâm hạnh vô lậu, định Diệt tận hiện tiền, nên trong Địa Bồ-tát thứ sáu, không có chướng ngại đối với Bát-Nhã Ba-la-mật khởi lậu tận hiện tiền, nên trong Địa Hiện Tiền thứ sáu, Bồ tát chứng được lậu tận tự tại, gọi là thanh tịnh. Bồ-tát đó tự thân tu hành chân chánh như vậy, giáo hóa chúng sinh khiến đạt đến xứ kia, dứt tâm đại từ bi, đối với chúng sinh điên đảo sinh tâm cứu giúp không chấp mắc Niết-bàn vắng lặng, khéo khởi phương tiện nên hiện tiền nơi môn thế gian, vì chúng sinh nên hiện tiền môn Niết-bàn, khiến cho Bồ-đề Phần tròn đầy; tu hành bốn thiền sinh lại cõi Dục, làm lợi ích cho các loài chúng sinh nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, phàm phu, nói về nhiều thân, vì chứng được tự tại”.

Đã nói nương vào thời tịnh, bất tịnh không thay không đổi. Kế là nói nương vào thời thiện tịnh không đổi, nên nói hai bài Kệ:

*Thân Phật không đổi khác,  
 Vì đắc pháp vô tận,  
 Chỗ chúng sinh qui y,  
 Là vì không bờ mé.  
 Thường trụ pháp không hai,  
 Vì là phân biệt vọng,  
 Hằng không giữ không tạo,  
 Năng lực tâm thanh tịnh.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Bất sinh và bất tử,  
Không bệnh cũng không già,  
Vì thường hằng mát mẻ,  
Và không thay đổi thủy.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Vì thường nên chẳng sinh,  
Vì lìa ý sanh thân,  
Vì hằng nên chẳng chết,  
Lìa thoái khó nghĩ bàn.  
Mát mẻ nên không bệnh,  
Không tập khí phiền não,  
Bất biến nên chẳng già,  
Không có hành vô lậu.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói về tánh Như lai đang ở Phật Địa thanh tịnh không bản sáng tỏ thường trụ tự tánh thanh tịnh. Vì từ bản tế đến nay là thường nên bất sinh. Vì lìa ý sanh thân, vì cõi vị lai là thường nên chẳng chết. Vì lìa đối khách sanh tử chẳng thể nghĩ bàn, vì bản từ hậu tế luôn mát mẻ nên không bệnh. Vì lìa sự thâu nhiếp của vô minh trụ Địa. Nếu vậy, tức không bị rơi vào ba đời, vì tánh kia là bất biến nên chẳng già, vì lìa nghiệp vô lậu hồi chuyển. Lại Kệ rằng:

*Hữu hai, lại có hai,  
Lại có hai, hai câu,  
Thứ lớp như thường, thủy  
Trong cảnh giới vô lậu.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Thường, hằng, mát mẻ và bất biến, bốn câu này trong pháp giới vô lậu thứ lớp từng một câu có từng cặp hai câu để giải thích nghĩa sai khác, như trong kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “Nầy Xá-lợi-phất! Pháp thân Như lai là thường, vì là pháp không hai, vì là pháp bất tận. Xá-lợi-phất! Pháp thân Như lai là hằng, vì thường có thể qui y, vì đời vị lai bình đẳng. Xá-lợi-phất! Pháp thân Như lai là mát mẻ, vì là pháp không hai, vì là pháp vô phân biệt. Xá-lợi-phất! Pháp thân Như lai là bất biến, vì là pháp bất diệt, vì là pháp không tạo tác”.

Đã nói Bất biến, không hai, kể là nói không sai khác. Không sai



khác, tức là nương vào thời thiện tịnh từ bản tế đến nay, vì tự Thể rất ráo hoàn toàn không sai khác với Như lai tạng thiện tịnh, nên nói một Kệ:

*Pháp thân và Như lai,  
Thánh Đế và Niết-bàn,  
Công đức không lia nhau,  
Như ánh sáng mặt trời.*

Nửa đầu Kệ này nói về nghĩa gì ?

Đáp: Kệ rằng:

*Nói lược về Pháp thân,  
Nghĩa một mà danh khác,  
Nương vào giới vô lậu,  
Bốn thứ nghĩa khác nhau.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược trong pháp giới vô lậu, nương vào Như lai tạng có bốn nghĩa, phải biết nương vào bốn nghĩa đó mà có bốn danh.

Hỏi: Bốn nghĩa là?

Đáp: Kệ rằng:

*Phật, Pháp không lia nhau,  
Và tánh Chân như kia,  
Thể Pháp không luống dối,  
Tự tánh xưa nay tịnh.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: “Phật, Pháp không lia nhau”, là nương vào nghĩa này mà Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Như lai tạng bất không, vì nhiều hơn số cát sông Hằng, là pháp, Phật, không lia không thoát, chẳng thể nghĩ bàn.

“Và tánh Chân như kia”: Là nương theo nghĩa này mà Kinh Lục Căn Tụ nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Sáu căn như vậy, từ vô thỉ đến nay thể của các pháp là hoàn toàn ráo.

“Thể Pháp không luống dối”: Là nương vào nghĩa này, trong Kinh nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế, chính là Niết-bàn không luống dối. Vì sao? Thế Tôn! Vì tánh kia từ bản tế đến nay thường dùng thể pháp Bất biến.

“Tự tánh xưa nay tịnh”: Dựa vào nghĩa này, nên trong Kinh Phật bảo Bồ tát Văn thù sư lợi: “Như lai Ứng chánh biến tri từ bản tế đến nay luôn nhập Niết-bàn”.

Lại nương vào bốn nghĩa này, thứ lớp có bốn thứ danh. Bốn danh

là: 1. Pháp thân. 2. Như lai. 3. Đệ nhất nghĩa đế. 4. Niết-bàn. Vì nghĩa đó, Kinh Bát Tăng Bất Giảm chép: “Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Như lai tạng tức là pháp thân”.

Lại nữa, Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Không lìa pháp thân mà có Như lai tạng. Thế Tôn! Không lìa Như lai tạng mà có pháp thân. Thế Tôn! Nương vào một khổ Diệt Đế mà nói là Như lai tạng. Thế Tôn! Như vậy nói Pháp thân Như lai có vô lượng vô biên công đức. Thế Tôn nói: Niết-bàn, tức là Pháp thân Như lai”.

Hỏi: Nửa Kệ sau nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Giác Nhất thiết chủng trí,  
Lìa tất cả tập khí,  
Phật và thể Niết-bàn,  
Không lìa bậc nhất nghĩa.*

Bốn thứ danh này, một Vị một nghĩa trong cõi vô lậu của Pháp thân Như lai không có lìa nhau, nên tuy có bốn danh, nhưng bốn nghĩa kia không lìa một pháp môn nào, không lìa một pháp thể nào!

Hỏi: Đây là nghĩa gì?

Đáp: Tất cả pháp đã chứng, là giác ngộ về Nhất thiết trí, lìa tập khí của chướng Nhất thiết trí và phiền não chướng. Hai pháp này trong pháp giới vô lậu là không khác, không sai khác, không đoạn, không lìa nhau. Vì nghĩa đó, trong Kinh Đại Niết-bàn, có bài kệ rằng:

*Vô lượng thứ công đức,  
Tất cả không nghĩ bàn,  
Giải thoát không sai khác,  
Giải thoát tức Như lai.*

Do nghĩa đó, Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Thanh-văn và Bích Chi Phật được Niết-bàn, là phương tiện của Phật”.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Thanh-văn, Bích Chi Phật có Niết-bàn, đây là phương tiện của Chư Phật, Như lai, thấy các chúng sinh vì đường dài, đồng rộng, đi xa mệt mỏi, sợ có thoái chuyển, để ngừng dứt mệt mỏi nên tạo ra hóa thành, Như lai trong tất cả pháp như vậy được đại tự tại, đại phương tiện, nên nói nghĩa như vậy.

Hỏi: Thế Tôn Như lai Ứng chánh biến tri chứng đắc Niết-bàn bình đẳng, tất cả công đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn đều thanh tịnh hoàn toàn rốt ráo. Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Nương vào bốn thứ nghĩa: 1. Chư Phật, Như lai, công đức rốt ráo không sai khác. 2. Phật trong quả Vô thượng của tướng Niết-bàn và Niết-bàn. 3. Niết-bàn trong quả Vô thượng của tướng Niết-bàn. 4. Tất cả công đức không lìa nhau, nếu lìa chứng trí trong quả Phật Địa, thì chẳng có người nào khác có pháp Niết-bàn, tức nói về nghĩa như vậy.

Hỏi: Nương vào Nhất thiết chủng trí, thí dụ nói về trong pháp giới vô lậu của Chư Phật, Như lai. Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Dụ về họa sĩ trong Kinh Bảo Man, phải biết nói về đầy đủ tất cả công đức. Kệ rằng:

*Như vô số họa sĩ  
Sự thấy biết đều khác,  
Phần biết của người kia,  
Phần không biết người này.  
Có Quốc vương tự tại,  
Ra lệnh các họa sĩ:  
“Tại nơi nhà vẽ kia,  
Vẽ thân ta đầy đủ”.  
Các họa sĩ đầy nước,  
Tất cả đều ra tay,  
Hoặc không thiếu một người,  
Mới thành tượng Quốc vương.  
Họa sĩ nhận lệnh rồi,  
Cùng vẽ tượng Quốc vương,  
Trong các họa sư đó,  
Có một người vắng mặt,  
Do vắng mặt người đó,  
Tượng Quốc vương không thành,  
Tượng đó không đầy đủ,  
Tất cả các phần thân.  
Điều nói các họa sĩ,  
Dụ hạnh thí giới thầy  
Nói tượng của Quốc vương,  
Là Nhất thiết chủng trí.  
Nói họa sĩ vắng mặt,  
Là còn thiếu một hạnh,  
Nói tượng vua không thành,  
Không trí, chưa đầy đủ.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì nghĩa đó, Kinh Bảo Man nói: “Nầy người thiện nam! Hãy lắng nghe! Ta nay nói thí dụ này cho ông nghe! Nầy Thiện nam! Ví như chúng sinh hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới đều có tài vẽ khéo, trong đó có người khéo đắp tượng, hoặc có người khéo tạo sơn, hoặc có người biết vẽ thân mà không biết vẽ tay chân, hoặc có người biết vẽ tay chân mà không biết vẽ khuôn mặt. Bấy giờ có Quốc vương, đem một tờ giấy cho những người đó, nói: “Người nào có thể vẽ được thì đều phải hợp lại, trên trang giấy nầy vẽ thân tướng ta”. Lúc đó các họa sĩ, đều nhóm họp, tùy theo khả năng cùng nhau thực hiện. Có một họa sĩ, vì duyên sự nên rốt cuộc không đến được, mọi người vẽ rồi cùng đem dâng lên vua. Nầy người thiện nam! Có thể nói rằng mọi đều hợp tác vẽ được hay không? Bạch Đức Thế Tôn, không được! Nầy người thiện nam! Nay ta nói ví dụ nầy chính là để dụ cho nghĩa đó chưa hiển hiện. Nầy Thiện nam! Vì một người vắng mặt, nên không thể nói là tất cả hợp tác làm được, cũng không thể nói tượng đã thành tựu”. Người tu hành pháp Phật cũng giống như vậy. Nếu có một hạnh không thành tựu, thì không gọi là đầy đủ chánh pháp Như lai, nên cần phải gồm các hạnh mới gọi là thành tựu Bồ-đề Vô thượng.

Lại nữa, các Ba-la-mật như Thí, Giới... mỗi ba-la-mật đều sai khác, chỉ là cảnh giới sở tri của Như lai, phải biết Như lai thấu tỏ các thứ sai khác kia là vô lượng vô biên, dùng năng lực tự tại để tính toán đều không thể nghĩ bàn, vì nhằm đối trị các cấu nhiễm của san, Tham... nên được thành tựu Đàn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật thanh tịnh...

Lại nữa, vì tu hành Nhất Thiết Chủng, Nhất Thiết Không trí và vô số môn Tam-muội. Trong địa Bất Động thứ tám của Bồ tát, vô phân biệt tất cả Địa Bồ-tát, không ngăn không cách, mà tự nhiên nương vào đạo trí, tu hành chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, thành tựu đầy đủ giới vô lậu của Như lai, thành tựu tất cả công đức.

Trong địa Thiện tuệ thứ chín của Bồ tát, nương vào A-tăng-kì môn Tam-muội vô lượng môn Đà-la-ni, thấu lấy vô lượng vô biên pháp nương dựa của Chư Phật, nên hiểu tất cả căn trí của chúng sinh, thành tựu vô lượng vô biên công đức Không trí, đắc Pháp Nhẫn vô sinh.

Trong Địa Pháp Vân thứ mười của Bồ tát nương vào tất cả trí mật trí hiện tiền, thành tựu vô lượng vô biên công đức Tự, Đắc pháp Nhẫn vô sinh không, sau đó chứng đắc các Tam -muội, dứt trừ tất cả phiền não chướng và trí chướng. Y theo các môn giải thoát trí, thành tựu công đức thanh tịnh giải thoát, chứng đắc đầy đủ Nhất thiết chủng, Nhất thiết không trí.

Trong bốn thứ Địa trí như vậy, không phải là Địa của Thanh-văn và Bích Chi Phật, vì Thanh-văn và Bích Chi Phật kia đã ly cách rất xa. Do nghĩa đó, nói bốn thứ thành tựu kia không khác cõi Niết-bàn, nên kệ nói:

*Tuệ trí và giải thoát,  
Không lìa thể pháp giới,  
Cõi Niết-bàn không khác,  
Gọi Tương tự tương đối.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì? Lấy gì làm tuệ? Lấy gì làm trí? Lấy gì làm giải thoát?

Đáp: Ba thứ đó không lìa Thật Thể của pháp giới, để nói về bốn thứ công đức thành tựu Thế giới Niết-bàn không sai khác, nên kệ nói: “Không khác Thế cõi Niết-bàn”. Vì bốn nghĩa kia theo thứ lớp, phải biết có bốn pháp tương tự tương đối. Những gì là bốn pháp tương tự tương đối:

1. Trong pháp thân của Phật nương vào tuệ không phân Xuất thế gian biệt, có thể phá trừ Vô minh tối tăm bậc nhất ánh sáng chiếu soi phải biết là pháp tương tự tương đối, nên kệ nói: “Gọi Tương tự tương đối”, là tuệ.

2. Nương vào trí, nên đắc trí Nhất thiết trí, biết tất cả chủng loại, chiếu soi tất cả sự, phát ra ánh sáng như lưới rộng, phải biết là pháp tương tự tương đối, nên kệ nói: “Gọi tương tự tương đối”, là trí.

3. Nương vào hai tự tánh tâm thanh tịnh giải thoát kia, vắng ánh sáng thanh tịnh không cấu lìa cấu, phải biết là pháp tương tự tương đối, nên kệ nói: “Gọi Tương tự Tương Đối”, là giải thoát.

4. Ngay trên ba thứ không lìa pháp giới, không lìa thật thể, không cùng lìa nhau, phải biết là pháp tương tự đối. nên kệ nói: “Không lìa thể pháp giới”. Gọi Tương tự tương đối, do đó Kệ rằng:

*Không chứng thân Chư Phật,  
Niết-bàn không thủ đắc,  
Nếu lìa bỏ ánh sáng,  
Mặt trời không thấy được.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì như vừa nói, trong pháp giới vô lậu, thế giới từ vô thỉ đến nay, tất cả công đức của các pháp vô lậu trong pháp thân Chư Phật, là không rời nhau. Vì nghĩa đó, nên xa lìa vô chướng không ngại của Như lai, lìa tất cả chướng của pháp thân, trí tuệ, thì thể tướng của Niết-bàn không thể thấy được, không thể chứng được, như lìa ánh sáng của mặt

trời thì không có vầng mặt trời có thể thấy được. Do nghĩa đó, nên Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Pháp không có hơn kém, nên đắc Niết-bàn, biết trí bình đẳng của các pháp, nên đắc Niết-bàn. Vì trí bình đẳng nên đắc Niết-bàn, vì giải thoát bình đẳng cho nên đắc Niết-bàn, vì giải thoát Tri Kiến bình đẳng nên đắc Niết-bàn”. Vì vậy, Đức Thế tôn nói: “Cõi Niết bàn một vị như nhau”, là nói một vị giải thoát.

